TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **240**/2018/QĐST-VHNGĐ	*Hai Bà Trưng, ngày 14 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thụ lý số 717/2018/TLST-VHNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu:

- **Chị Nguyễn Thu H.,** sinh năm 1974

- **Anh Nguyễn Đức L.,** sinh năm: 1976

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và cùng ở tại: Số 20 ngõ 17 phố M., phường V., quận H., thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Mục 1.1-1.II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 11 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc ly hôn.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Chị Nguyễn Thu H.,** sinh năm 1974

- **Anh Nguyễn Đức L.,** sinh năm: 1976

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H. và anh Nguyễn Đức L. cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thu H. và anh Nguyễn Đức L. cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Hương T., sinh ngày: 14/01/2000 và Nguyễn Thảo C., sinh ngày: 14/7/2008. Nguyễn Hương T. đã trưởng thành, sức khỏe bình thường và có khả năng lao động chị H. và anh L. không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận giao cháu C. cho chị H. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C. kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định cho đến khi cháu C. trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L. có quyền và nghĩa vụ, thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Nguyễn Thu H. và anh Nguyễn Đức L. cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị Nguyễn Thu H. và anh Nguyễn Đức L. cùng xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thu H. tự nguyện chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004390 ngày 25/11/2018/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Ô., quận Đ., Hà Nội (GCNKH số 86, quyển số 01/98, ngày 29/12/1998);
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Phương